

NHÂN DANH

N- ỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BẢN- LÀO CAI.

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lụa.

Các hội thẩm nhân dân:

Các Hội thẩm nhân dân:

1, Ông Nguyễn Tuấn Nghĩa.

Nơi công tác: Phòng Lao động thương binh và xã hội huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai.

2, Ông Đàm Sông H.

Nơi công tác: Ủy ban nhân dân xã Làng Giàng, huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai.

Th- ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bản tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai. Tiến Hnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 91/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019. Về việc: “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXX - ST ngày 13 tháng 9 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST - HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bàn Thị Ng, sinh năm 1993.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C1, xã C C, huyện BY, tỉnh LC - Vắng mặt có lý do.

Bị đơn: Anh Trần Văn M, sinh năm 1990. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C1, xã C C, huyện BY, tỉnh LC. Nơi ở, cư trú cuối cùng và sinh sống làm việc thường xuyên liên tục tại: Thôn Bản M, xã TTh, huyện VB, tỉnh LC - Vắng mặt không có lý do.

Người làm chứng: Ông Trần Văn X, sinh năm 1967; Ông Đặng Văn T - trưởng thôn. Đều trú tại thôn Bản M, xã TTh, huyện VB, tỉnh LC; chị Phạm Thị Nh, sinh năm 1989; Anh Trương Văn Ô, sinh năm 1990 ; chị Triệu Thị Th, sinh năm 1985. Chị Nguyễn Thùy H, sinh năm 1976; chị Phạm Thị H, sinh năm 1989. Đều có địa chỉ: Thôn C1, xã C C, huyện BY, tỉnh LC - Vắng mặt tại phiên Tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu chứng cứ kèm theo của chị Bàn Thị Ng có yêu cầu: Ngày 10/01/2013 chị và anh Trần Văn M tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cam Cọn, huyện Bảo Yên. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 06 tháng đến tháng 7/2013 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh M thường xuyên đánh bạc, không tu trí làm kinh T nuôi bản thân

và gia đình, cãi chửi, đánh nhau, chị tự sống ly thân, sau đó anh M hứa sửa chữa, xin lỗi, chị lại đoàn tụ và tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không có kết quả, không cải thiện được, mâu thuẫn trầm trọng nhất vào tháng 10/2015 anh, chị tự sống ly thân, mỗi người sống một nơi, tính từ thời điểm ly thân đến nay khoảng 04 năm nên chị không có thai với anh M. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn cách nào Hn gắn được, chị đề nghị đ-ợc ly hôn với anh Trần Văn M.

Về con: Chị Ng và anh M cả hai đều không có con riêng mà chỉ có 02 con chung là cháu Trần Thảo Vi, sinh ngày 05/11/2012 và cháu Trần Đức Hiếu, sinh ngày 19/6/2014. Khi ly thân anh M tự nguyện giao con và hiện nay cháu Vi, cháu Hiếu đang do chị Ng nuôi dưỡng. Nay chị đề nghị khi ly hôn tiếp tục giao cháu Vi, cháu Hiếu cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục đến khi trưởng tHnh đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản: Chị Ng xác định, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện. Chị và anh không có tài sản riêng và tài sản chung. Chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Về nghĩa vụ thanh toán: Chị Ng xác định, chị và anh M không vay nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân khoản nào, không cho cơ quan, tổ chức, cá nhân vay nợ vợ chồng. Chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã thông báo và phổ biến điều luật về các quyền, nghĩa vụ, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập (nếu có) cho bị đơn anh Trần Văn M đến Tòa trình bày ý kiến, quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị Ng nhưng anh M không chấp Hnh, không cung cấp địa chỉ về nơi cư trú mới, đề Tòa án tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án. Tòa án tiến Hnh niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại bản tin trụ sở Ủy ban nhân dân xã Tân Thượng và tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Trần Văn X là người thân sinh ra anh M, anh M sinh sống, làm việc nơi cư trú cuối cùng của anh M cùng ông X tại thôn Bản M, xã Tân Thượng và trưởng thôn nơi anh M cư trú, sinh sống làm việc cuối cùng. Ông X thừa nhận thời gian từ năm 2015 đến đầu tháng 7/2019 anh M không đi đâu mà sinh sống tại thôn Bản M chỉ đến tháng 6/2019 Tòa thụ lý vụ án giao và tổng đạt cho anh M, anh không nhất trí ly hôn và từ chối không nhận, sau đó được khoảng 10 đến 12 ngày anh M đi khỏi thôn Bản M, xã Tân Thượng rồi chủ động điện thoại về hỏi việc chị Ng yêu cầu ly hôn, ông X đã thông báo điện thoại vận động anh M về để giải quyết ly hôn, nuôi con với chị Ng, anh M nói với ông không nhất trí yêu cầu khởi kiện của chị Ng về ly hôn, tiếp tục sống ly thân và giao cháu Vi, cháu Hiếu cho chị Ng tiếp tục nuôi dưỡng, anh M không cấp dưỡng nuôi con cùng chị M như hiện nay, anh M không có yêu cầu phản tố gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Ng, tiếp đó ông tiếp tục nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án ông gọi điện thoại thông báo Ngy cho anh M nhưng anh M không về và không nói thời điểm trở về để giao nộp chứng cứ và về làm việc với Tòa án. Trong thời gian Tòa thụ lý giải quyết vụ án ông gọi điện thoại hỏi địa chỉ nơi ở mới anh M không nói và không nói thời gian trở về để giải quyết việc ly hôn, nuôi con khi ly hôn với chị M. Biết việc Tòa án đang giải quyết là có căn cứ và việc ông ủng hộ, vận động anh M về giải quyết nên anh không nhắc máy nghe điện thoại của ông X.

Tại phiên tòa , Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn đã xác định: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, thẩm phán và Hội đồng xét

xử đều tuân theo trình tự pháp luật tố tụng Dân sự, đương sự chấp hành tốt pháp luật khi tham gia tố tụng Dân sự và phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều; 229 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bàn Thị Ng. Xử cho chị Bàn Thị Ng ly hôn với anh Trần Văn M.

Về con: Giao cháu Trần Thảo Vi, sinh ngày 05/11/2012 và cháu Trần Đức Hiếu, sinh ngày 19/6/2014 cho chị Bàn Thị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, chấp nhận yêu cầu của chị Ng không yêu cầu anh M phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Bàn Thị Ng phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Anh Trần Văn M không phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Chưa làm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Việc xét xử vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa chị Bàn Thị Ng và anh Trần Văn M. Do anh M biết chị Ng yêu cầu giải quyết ly hôn với anh nên anh đi, không thông báo nơi ở mới và thông báo thời điểm trở về, cố ý giấu địa chỉ nơi ở mới, nơi làm việc làm cho chị Ng không biết được địa chỉ mới của anh nhằm né tránh việc ly hôn với chị Ng. Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý đều được Tòa án thông báo, xác minh và niêm yết các văn bản tố tụng là hợp lệ, biết được mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, chị Ng không nhất trí quay lại đoàn tụ và tự chịu nghĩa vụ nuôi con nên anh M cố ý không chấp hành từ khi thụ lý đến khi xét xử lần một vào ngày 27/9/2019 và xét xử lần hai được mở lại ngày hôm nay anh M cố ý bỏ mặc không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tiến hành xét xử:

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị Ng giao nộp tài liệu chứng cứ và Tòa án xác minh thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả niêm yết công khai các văn bản tố tụng dân sự, ý kiến trình bày về quan điểm và hỏi, trả lời công khai tại phiên tòa, chị Ng xác định chị và anh Trần Văn M tự nguyện chung sống với nhau từ đầu năm 2012, đến ngày 10/01/2013 tổ chức đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cam Cọn, huyện Bảo Yên. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 06 tháng, đến tháng 7/2013 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M không chăm lo cho cuộc sống vợ chồng, thường xuyên chơi bạc làm cho kinh tế khó khăn nợ nần nên vợ chồng thường xuyên điều qua tiếng lại đánh nhau, được gia đình khuyên bảo lần qua lần không có hiệu quả, không cải thiện và tự chấm dứt mọi mối quan hệ với nhau từ tháng 10/2015 anh, chị tự sống ly thân mỗi người sống một nơi, anh M bỏ về nhà bố đẻ là Trần Văn X ở từ tháng 10/2015 tại thôn Bản M, xã Tân Thượng, bỏ mặc, không

quan tâm, kinh T của người nào người đó tự quản lý, sử dụng tính đến nay khoảng 03 năm 09 tháng. Xét thấy, thời gian chị Ng và anh M chung sống với nhau thường xuyên bất đồng quan điểm sống, thiếu đi sự chăm no, yêu th quý trọng của người chồng, không quan tâm vun đắp cuộc sống, đi đánh bạc để cho kinh T lâm vào hoàn cảnh khổ khăn, phát sinh mâu thuẫn chửi, đánh nhau làm rạn nứt tình cảm nên tháng 6/2019 chị cương quyết làm đơn ly hôn, anh M ngỡ chị Ng chỉ nói như các lần trước đó rồi lại sống ly thân, đến ngày 28/6/2019 Tòa án thụ lý vụ án thông tin, thông báo các văn bản tố tụng, anh M không chấp Hnh để bảo vệ quyền và lợi ích của mình và đi không thông báo địa chỉ nơi ở mới cho chính quyền xã nhằm không ly hôn với chị Ng và bỏ mặc không quan tâm. Do anh M không tham gia tố tụng và không ghi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị Ng và tài liệu, chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập mà cố ý giấu địa chỉ nơi ở mới, không thông báo thời gian trở về. Anh M đã được chính quyền xã, Tòa án và thông qua ông X thông báo các văn bản tố tụng, giấy triệu tập, làm các thủ tục niêm yết công khai tại bản tin thôn Bản M, Ủy ban nhân dân xã Tân Thượng, trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn để anh M biết bảo vệ quyền và lợi ích nhưng anh M vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó có đủ cơ sở xác định anh M đã tự từ bỏ quyền yêu cầu của anh tại phiên tòa. Như vậy tình cảm giữa chị Ng và anh M mâu thuẫn đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn yêu th quý trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị Ng đề nghị được ly hôn với anh Trần Văn M.

Về con: Mặc dù chị Ng và anh M không thỏa thuận về việc giao con khi ly hôn nhưng khi ly thân anh M không tranh chấp về nuôi con với chị Ng mà tự nguyện giao cháu Trần Thảo Vi, sinh ngày 05/11/2012 và cháu Trần Đức Hiếu, sinh ngày 19/6/2014 cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Nay chị Ng có nguyện vọng đề nghị chị Ng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vi và cháu Hiếu đến khi trưởng tHnh đủ 18 tuổi, chị không có yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con cùng chị và thực T anh M không tranh chấp, không cấp dưỡng nuôi con cùng chị Ng. Xét khả năng, điều kiện nuôi con của chị Ng và để đảm bảo việc học tập, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vi và cháu Hiếu là cần thiết. Cần chấp nhận yêu cầu của chị Ng được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho cháu Vi và cháu Hiếu không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con với điều kiện thu nhập và thực T việc chị Ng nuôi con như hiện nay đã được đảm bảo.

Về quan hệ tài sản, nghĩa vụ thanh toán: Chị Bàn Thị Ng không yêu cầu và xác định không vay nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân khoản nào, không cho cơ quan, tổ chức vay nợ vợ chồng. Bị đơn anh Trần Văn M không có yêu cầu phản tố và không có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử không đề cập vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bàn Thị Ng phải chịu toàn bộ tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Anh Trần Văn M không phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Bàn Thị Ng, bị đơn anh Trần Văn M có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều; 229 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử: Chị Bàn Thị Ng đ- ợc ly hôn với anh Trần Văn M.

+ Về con: Chị Bàn Thị Ng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục cháu Trần Thảo Vi, sinh ngày 05/11/2012 và cháu Trần Đức Hiếu, sinh ngày 19/6/2014 đến khi cháu Vi và cháu Hiếu trưởng tHnh đủ 18 tuổi.

Về thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn M không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị Bàn Thị Ng.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không đ- ợc cản trở ng- ời không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục con.

+ Về án phí: Chị Bàn Thị Ng phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí Hôn nhận và gia đình sơ thẩm. Nh- ng đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/0006939 ngày 28/6/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Bàn Thị Ng đã nộp đủ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Văn M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn chị Bàn Thị Ng, bị đơn anh Trần Văn M được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Lào Cai(1);
- VKSND huyện Văn Bàn(2);
- Nguyên đơn chị Bàn Thị Ng(01).
- Bị đơn anh Trần Văn M (01).
- THA Dân sự huyện Văn Bàn(1);
- UBND xã (1).
- Lưu VP. TAND huyện Văn Bàn(02).
- L-u HS vụ án (02),

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lụa